

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 9 - 2019.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Phan Đức T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1988.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố TT, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt anh T1 và chị T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phan Đức T1 và chị Đỗ Thị T2 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/7/2007 tại UBND phường TC, thành phố PL,

tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, có lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng còn xảy ra xô sát nhẹ với nhau. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã phân tích hòa giải cho vợ chồng nhưng không cải thiện được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Quan điểm của anh Phan Đức T1: Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị Đỗ Thị T2.

Quan điểm của chị Đỗ Thị T2: Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn với anh Phan Đức T1.

- Về con chung: Anh T1 và chị T2 cùng thống nhất có 02 con chung là cháu Phan Đức M (con trai), sinh ngày 02/11/2007 và Phan Đức T (con trai), sinh ngày 29/5/2013. Hiện nay cả hai cháu đang do anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, anh T1 xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Chị T2 xin nuôi cháu Phan Đức T, còn giao anh T1 nuôi cháu Phan Đức M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị T2 không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T1 và chị T2 cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Đức T1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Đức T1 và chị Đỗ Thị T2.

+ Về con chung: Giao anh Phan Đức T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Đức M (con trai), sinh ngày 02/11/2007 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; giao chị T2 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Đức T (con trai), sinh ngày 29/5/2013 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị T2 không có thai nghén gì.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T1 và chị T2 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T1 và chị T2 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đỗ Thị T2 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố TT, phường TC, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và đang cư trú tại thôn ĐT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Phan Đức T1 và chị Đỗ Thị T2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

[2] Về hôn nhân: Anh Phan Đức T1 và chị Đỗ Thị T2 kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường TC, thị xã PL (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn vợ chồng anh T1 và chị T2 đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, có lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng còn xảy ra xô sát với nhau. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã phân tích hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích, khuyên bảo vợ chồng anh chị về đoàn tụ, nhưng anh T1 vẫn cương quyết xin được ly hôn với chị T2 và chị T2 cũng đồng ý ly hôn với anh T1. Thực tế cho thấy anh T1 và chị T2 cũng đã có thời gian dài sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T1 và chị T2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của anh T1 và chị T2.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là cháu Phan Đức M (con trai), sinh ngày 02/11/2007 và Phan Đức T (con trai), sinh ngày 29/5/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh T1. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của anh T1 và chị T2, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên xét điều kiện mọi mặt về việc chăm sóc và nuôi dạy con chung thấy: Hiện nay anh T1 và chị T2 đều là những người có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định để đảm bảo về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho các con chung. Do đó cần giao cho mỗi người nuôi một con chung để từng người thể hiện trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con chung, giúp cho các con có điều kiện tốt nhất để phát triển. Mặt khác cháu Phan Đức M hơn 11 tuổi cũng có nguyện vọng xin ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Còn cháu Phan Đức T hiện nay còn nhỏ (dưới 07 tuổi) rất cần có sự nuôi dưỡng, chăm sóc của mẹ. Do đó cần giao cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, giao chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu T là phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 và chị T2 đều có điều kiện về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung như nhau, nay giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Do vậy không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện nay chị T2 không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T1 và chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T1 và chị T2 phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Đức T1 và chị Đỗ Thị T2.

[2] Về con chung: Giao anh Phan Đức T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Đức M (con trai), sinh ngày 02/11/2007 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; giao chị Đỗ Thị T2 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Đức T (con trai), sinh ngày 29/5/2013 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T1 và chị T2 không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Đức T1 và chị Đỗ Thị T2 mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Phan Đức T1 được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002128 ngày 20/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh T1 được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Anh T1 và chị T2 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường TC,
TP Phủ Lý;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuyên